

Bản án số: **68** /2018/HC-PT

Ngày: 23-5-2018

V/v Kiện quyết định hành chính
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân
tỉnh Quảng Trị.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 79/2017/TLPT-HC ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc “Kiện quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HC-ST ngày 27/09/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79b/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 04 năm 2018, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông **Thái Văn K.** Địa chỉ: thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông **Thái Văn P.** Địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền ngày 11/3/2015). Có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông **Hà Sỹ Đ** – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 3524/UBND-TN ngày 05/9/2016). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hộ gia đình ông **Đặng Xuân T**. Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.
2. Hộ gia đình ông **Đặng Xuân Đ**. Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.
3. Hộ gia đình ông **Lê Văn T**. Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.
4. Hộ gia đình ông **Thái Tăng T1**. Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.
5. Hộ gia đình ông **Nguyễn Trọng P**. Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.
6. Hộ gia đình bà **Nguyễn Thị Y**. Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.
7. Hộ gia đình ông **Trần Văn N**. Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.
8. Hộ gia đình ông **Trần An G**. Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2016, ý kiến tại phiên đối thoại ngày 14/9/2016, văn bản ngày 18/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Khu đất vườn có diện tích 02 mẫu 02 sào được ông Thái Văn Đ (ông nội của ông Thái Văn K) mua của Phái Nguyễn vào ngày 27/01/1918 (có văn tự mua bán đất). Ông Đ sử dụng từ năm 1918 đến năm 1950. Trước khi qua đời ông Đ để lại cho ông Thái H (bố của ông K) 01 mẫu 02 sào để làm nhà ở và sản xuất nông nghiệp. Trong khu vườn có 01 ngôi nhà rường cổ, 01 nghĩa địa gia đình, 01 nhà thờ họ Thái Văn, xung quanh có bao bọc hàng rào. Ông Thái H sử dụng từ năm 1950 cho đến năm 1987 thì bị bệnh phải ra Hà Nội chữa trị một thời gian nên gửi đất

vườn cho UBND xã C và Hợp tác xã N để sản xuất và đóng thuế trong thời gian đi chữa bệnh. Trong đơn gửi đất có nêu điều kiện chỉ sản xuất và đóng thuế, không cho người khác vào làm nhà ở trong vườn vì còn năm đứa con công tác sắp về hưu sẽ vào đó làm nhà ở.

Năm 1988, UBND xã C đã tự ý lấy đất vườn đã gửi, cấp cho ba hộ dân làm nhà ở, khi trở về lại ông Thái H phát hiện có ba nhà xây dựng trong vườn, chiếm gần hết diện tích. Ông H đã nhiều lần yêu cầu UBND xã C trả lại đất nhưng không được giải quyết, nên ngày 28/7/1989 ông Thái H viết đơn xin lại bức vườn nhưng giải quyết chưa thỏa đáng.

Ngày 24/01/2015, ông Thái Văn K có đơn khiếu nại quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 13/01/2015 của Chủ tịch UBND huyện C. Ngày 28/5/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị ban hành quyết định số 1065/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đất đai của ông Thái Văn K. Tại Điều 1 quyết định này ghi rõ:

“Không công nhận nội dung đơn của ông Thái Văn K về việc khiếu nại đòi lại quyền sử dụng đất tại thị trấn C trước đây có nguồn gốc do ông bà bố mẹ để lại;

- Không công nhận yêu cầu của ông Thái Văn K về việc hủy bỏ quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 13/01/2015 của Chủ tịch UBND huyện C”,

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh Quảng Trị người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy bỏ quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 28/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết khiếu nại đất đai của ông Thái Văn K.

2. Phục hồi quyền và lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm theo quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 12 Luật khiếu nại 2010.

Tại phiên đối thoại ngày 14/9/2016, đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày chỉ để cho ba hộ dân mỗi hộ 300m², phần diện tích còn lại thì yêu cầu trả lại; nếu không trả lại được thì yêu cầu cấp mới tương ứng với phần diện tích còn lại.

** Tại đơn đề nghị xét xử ngày 18/6/2017 người đại diện theo ủy quyền của ông Thái Văn K đề nghị:*

1. Hủy bỏ quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 28/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết khiếu nại đất đai của ông Thái Văn K.

2. Tổng diện tích đất bị các hộ lấn chiếm là 3500m² trong đó hộ ông Lê Văn T, Đặng Xuân T, Đặng Xuân Đ lấn chiếm 3000m²; ông Thái Tăng T1, ông Nguyễn Trọng P, ông Trần Văn N, ông Trần An G lấn chiếm 500m².

3. Công nhận phần diện tích 3500m² bị các hộ lấn chiếm là thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của gia đình ông Thái Văn K.

Tại văn bản số 3065/UBND-TN ngày 03/8/2016 và tại phiên đối thoại ngày 14/9/2016 người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Khu đất khiếu nại do ông Thái Văn Đ (là ông nội của ông Thái Văn K) mua của Phái Nguyễn ở phủ C (cũ) với diện tích 02 mẫu 02 sào để ở và trồng trọt. Sau khi mua đất, ông Đ cho con trai là ông Thái H 01 mẫu, diện tích còn lại 01 mẫu 02 sào ông Đ sử dụng. Năm 1959 ông Đ chết, khu đất này ông Thái H làm nhà ở và trồng trọt.

Năm 1975 - 1984, thừa đất 01 mẫu 02 sào ông Thái H cho con và cháu sử dụng ngôi nhà để ở; còn ông Thái H sinh sống, sử dụng trên phần đất hiện nay Thái Văn Đ (con đẻ ông H) đang sử dụng thuộc khu phố Tây Trì, thị trấn C. Năm 1985, ngôi nhà bị bão làm sập, ông H già yếu, các con ông H công tác xa không có điều kiện sửa chữa, khu đất không có ai sử dụng.

Khoảng năm 1986 - 1987, ông H có đơn xin giao lại khu đất cho UBND xã C để UBND xã giao cho Hợp tác xã N sản xuất và nộp thuế (đơn này đã bị thất lạc), việc giao lại đất phù hợp với đơn xin lại đất ngày 28/6/1989 và ngày 08/6/1992 của ông Thái H.

Sau khi ông Thái H giao lại đất cho UBND xã C, có 03 hộ dân có đơn xin đất làm nhà ở, gồm:

Hộ ông Lê Văn T được hợp tác xã N xác nhận cấp 500m² ngày 19/9/1986,

Hộ ông Đặng Xuân T được UBND xã C xác nhận cấp 500m² ngày 06/6/1988,

Hộ ông Đặng Xuân Đ được UBND xã C xác nhận cấp 500m² ngày 08/11/1988.

Sau khi được xác nhận cấp đất, các hộ dân đã làm nhà ở, canh tác, sinh sống ổn định từ đó đến nay.

Theo hồ sơ đo đạc thực hiện chỉ thị 299: Thừa đất khiếu nại tại số đăng ký ruộng đất lập năm 1986 thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ số 11, diện tích 6.300m², loại đất T, chủ sử dụng: Hợp tác xã N. Còn ông Thái H đăng ký và sử dụng tại thửa 41, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.884m², loại T (hiện do ông Thái Văn Đ con trai ông H sử dụng);

Theo hồ sơ địa chính lập năm 1998, khu đất khiếu nại có diện tích khoảng 6.100m², thuộc tờ bản đồ số 15, thị trấn C, gồm các thửa:

- Thửa số 62: Đất nghĩa địa của gia đình ông Thái Văn K, diện tích 49 m², do UBND thị trấn C quản lý;

- Thửa đất số 63: Đất ở của hộ ông Đặng Xuân Đ diện tích 1.462 m² ;

- Thửa đất số 64: Đất ở của hộ ông Đặng Xuân T diện tích 1.380 m²,
- Thửa đất số 65: Đất ở của hộ ông Lê Văn T diện tích 1.309 m²,
- Thửa đất số 77: diện tích 844 m², chủ sử dụng: UBND thị trấn C,
- Thửa đất số 82: Đất nhà thờ họ Thái Văn, diện tích 530 m² (Nhà thờ xây dựng năm 1960),
- Một phần của thửa đất số 76, diện tích khoảng 530 m² (thửa đất 76 có diện tích 1.174m², loại đất ở + vườn), chủ sử dụng ông Thái Tăng T1,

Theo bản đồ đo đạc địa chính năm 2013, khu đất khiếu nại thuộc tờ bản đồ số 55 và tờ số 62, thị trấn C, gồm các thửa sau:

- Thửa đất số 58: Đất ở của hộ gia đình ông Đặng Xuân Đ, diện tích 1.583m² (bao gồm phần đất mồ mã của gia đình ông Thái Văn K đã di dời năm 2013)
- Thửa đất số 50: đất ở của hộ gia đình ông Đặng Xuân T, diện tích 1.373m²;
- Thửa đất số 59: đất ở của gia đình ông Lê Văn T, diện tích 1.102m²;
- Thửa đất số 63: đất trồng cây lâu năm do bà Nguyễn Thị Y (vợ Ông Thái Tăng Trì) sử dụng, diện tích 818 m²;
- Thửa đất số 74: đất nhà thờ họ Thái Văn, diện tích 509 m²;
- Một phần thửa đất số 75: đất ở của gia đình ông Thái Tăng T1, diện tích 230 m²;
- Một phần thửa đất số 62: đất ở của gia đình ông Trần An G (được ông Thái Tăng T1 chuyển nhượng), diện tích 100 m²;
- Một phần thửa đất số 02: đất ở của gia đình ông Nguyễn Trọng P, diện tích 197 m²;

Ngày 28/6/1989 và ngày 08/6/1992, ông Thái H có đơn xin lại bức vườn. Như vậy, ông Thái H đã thừa nhận trước đây có đơn giao lại khu đất này để Hợp tác xã N sản xuất và đóng thuế, việc giao trả là phù hợp với hồ sơ đo đạc 299 vì ông H không đăng ký quyền sử dụng đất mà quy chủ sở hữu là hợp tác xã Nam Thanh quản lý, sử dụng.

Từ những căn cứ trên, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị không công nhận khiếu nại đòi lại đất của ông Thái Văn K.

Tại phiên đối thoại ngày 14/9/2016, đại diện hợp pháp của người bị kiện không đồng ý với phương án cấp bù đất theo yêu cầu của người khởi kiện, nếu con em của ông Thái Văn K có nhu cầu về quê sinh sống thì Ủy ban nhân dân huyện sẽ xem xét giao đất mới theo quy hoạch, không qua đấu giá để ổn định cuộc sống.

Tại phiên đối thoại ngày 14/9/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Các ông Đặng Xuân Đ, ông Lê Văn T, ông Đặng Xuân T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Các hộ dân có nhu cầu về nhà ở, có đơn xin cấp đất và được chính quyền địa phương đồng ý cấp đất. Các hộ đã được giao đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, các hộ dân đã làm nhà ở, sinh sống ổn định từ năm 1987 đến nay.

- Ông Thái Tăng T1 trình bày: Trên thửa đất mà ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có 283,3m² đất, nằm trong phần diện tích mà người khởi kiện đang khiếu nại. Hiện nay, phần đất này gia đình ông Thanh đã làm nhà ở và công trình phụ.

- Ông Nguyễn Trọng P trình bày: Ông Phát có mua lại một phần đất của gia đình ông Thanh, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng vừa qua lại có quyết định thu hồi của UBND huyện để làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay gia đình ông Phát chưa được cấp lại.

- Ông Trần An G trình bày: Ông Gia mua lại của ông Thái Tăng T1 diện tích 100m² đất, hiện nay ông Gia chưa làm nhà ở.

- Bà Nguyễn Thị Y (vợ ông Thái Tăng Tri) trình bày: Diện tích đất 818m² phía sau nhà thờ họ Thái Văn, gia đình bà Yến mượn của ông Thái Văn Đ để trồng chuối và trồng cỏ. Nay, người khởi kiện khiếu nại nên gia đình bà Yến đã trả lại cho ông Thái Văn Đ.

- Ông Trần Văn N trình bày: Diện tích đất của gia đình ông N nằm trong phạm vi khiếu nại là 137 m² đất, gia đình ông N đã xây dựng ngôi nhà hai tầng kiên cố.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HC-ST ngày 27/09/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 157 Luật tổ tụng hành chính; Điều 1 Luật đất đai năm 1987; khoản 2 Điều 10 Luật đất đai 2003; điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ, khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn K;
- Giữ nguyên Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 28/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết khiếu nại đất đai của ông Thái Văn K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10-10-2017, đại diện người khởi kiện ông Thái Văn P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử hủy Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 28-5-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính: Ngày 24-01-2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định 48/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại về đất đai đối với ông Thái Văn K. Ông Ký tiếp tục khiếu nại nên ngày 28-5-2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định 1065/QĐ-UBND có nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Thái Văn K. Không đồng ý với nội dung giải quyết và cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, ngày 16-5-2016, ông Thái Văn K có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án yêu cầu hủy quyết định 1065/QĐ-UBND ngày 28-5-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị. Xét đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, do vậy căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Thái Văn K yêu cầu sửa án sơ thẩm tuyên hủy quyết định hành chính nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy khu đất ông Thái Văn K khiếu nại là do ông Thái Văn Đ (ông nội của ông K) mua của phái Nguyễn ở đường Phan Xá, tổng Cam Vũ, phủ C với diện tích 02 mẫu 02 sào sử dụng để ở và trồng trọt theo văn tự mua bán đất lập ngày 27/01/1918 (văn tự mua bán bằng chữ Hán do ông Ngô Văn T dịch và được Phòng Tư pháp Chương Mỹ, Hà Nội chứng thực ngày 22/12/2010) (BL 08-09). Sau đó, ông Đ cho con trai là Thái H 01 mẫu, diện tích còn lại ông Đ sử dụng. Năm 1959, ông Đ chết, khu đất này ông Thái H (Cha ông Thái Văn K) sử dụng làm nhà ở và sản xuất nông nghiệp. Từ năm 1975-1984, ông Thái H cho con cháu sử dụng ngôi nhà để ở. Năm 1985 ngôi nhà bị bão sập, khu đất không có ai sử dụng để ở. Lời trình bày của ông Thái Văn K cho rằng khoảng năm 1987, vợ chồng ông H bị bệnh phải đi Hà Nội điều trị dài ngày và con cái đi công tác xa không có người chăm sóc nên ông H

đã gửi đất vườn cho UBND xã và Hợp tác xã N để sản xuất và đóng thuế trong thời gian đi chữa bệnh là không có căn cứ. Bởi lẽ tại “Đơn xin lại bức vườn” của ông Thái H đề ngày 28/6/1989 thể hiện nội dung “Đến năm 1987 tôi bị bệnh và tuổi già. Tôi có đơn xin giao lại cho ủy ban để ủy ban giao cho Hợp tác xã N sản xuất...”; và đơn đề ngày 08/6/1992 của ông H có nội dung: “Năm 1987, tôi bị đau không làm được nên tôi giao lại cho xã C để giao cho hợp tác xã N canh tác để có thuế nông nghiệp...”; Lời trình bày của ông Thái Văn K phù hợp với lời khai của các nhân chứng như ông Thái Văn T, ông Thái Tăng S, ông Nguyễn Văn H, ông Phạm Văn M... là những cán bộ của UBND xã C, Hợp tác xã N thời điểm đó và cũng phù hợp với số liệu kê khai tại sổ đăng ký ruộng đất lập năm 1986 thực hiện theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ Thủ Tướng về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước, thửa đất khiếu nại thuộc thửa số 79, tờ bản đồ số 11, diện tích 6.300m², loại đất T được quy chủ sử dụng là HTX N, còn ông Thái H đăng ký và sử dụng tại thửa 41, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.884m², loại T (hiện do ông Thái Văn Đ con trai ông H sử dụng). Như vậy có căn cứ xác định khoảng năm 1986, ông H và gia đình ở xa không có điều kiện canh tác, sử dụng nên đã giao đất lại cho UBND xã C quản lý và giao cho HTX N sản xuất, phù hợp với quy định pháp luật đất đai các thời kỳ Nhà nước không thực hiện việc trông giữ hộ đất cho người sử dụng đất.

[3] Tại điểm c, khoản 2 mục III của Quyết định số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ quy định về trách nhiệm của người sử dụng đất như sau: “Nếu đất không sử dụng hoặc không sử dụng hết thì người sử dụng đất phải trả lại phần đất không sử dụng cho Nhà nước”. Điều 1 của Luật đất đai năm 1987 quy định: “Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Khoản 2 Điều 10 Luật đất đai 2003 quy định: “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Điểm d khoản 1 Điều 4 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định: “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất và không xem xét giải quyết khiếu nại về việc đòi lại đất mà Nhà nước đã giao cho người khác sử dụng theo các chính sách ruộng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993...”. Như vậy căn cứ các quy định về pháp luật đất đai, việc khiếu nại đòi lại quyền sử dụng đất của ông K là không có cơ sở giải quyết.

Với phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của người khởi kiện ông Thái Văn K là không có căn cứ chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Thái Văn K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Thái Văn K. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HC-ST ngày 27-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 157; Điều 349 Luật tố tụng hành chính; Điều 1 Luật đất đai năm 1987; khoản 2 Điều 10 Luật đất đai 2003; điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn K.

2. Giữ nguyên Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 28/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết khiếu nại đất đai của ông Thái Văn K.

3. Người khởi kiện ông Thái Văn K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng. Đã nộp tại các biên lai thu số 000506 ngày 28-10-2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát ND CC tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Cục THA DS tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn